

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH CAO BẰNG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 01/2023/HNGĐ-ST

Ngày: 10/7/2023

V/v: *Ly hôn*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH CAO BẰNG:

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Hợp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trương Thị Hiền

2. Ông Đàm Đình Lập

- Thư ký phiên tòa: Bà Nông Thu Hương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng tham gia phiên tòa: Bà Hoàng Thu Hằng - Kiểm sát viên trung cấp.

Trong ngày 10 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng xét xử công khai vụ án thụ lý số: 01/2023/TLST - HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023 về việc “*Ly hôn*”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 06/2023/QĐXXST- HNGĐ ngày 24 tháng 5 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Nguyễn Anh Q**, sinh năm 1962. Hộ chiếu số: N2358260; Địa chỉ: **K - 54294 T - G** – Cộng hòa liên bang **Đ**; (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

2. Bị đơn: **Nguyễn Hồng L**, sinh năm 1970; Địa chỉ: **Tổ I, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng**; (Vắng mặt, có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 16/4/2023 và các tài liệu gửi Tòa án, ông **Nguyễn Anh Q** trình bày:

Về thời gian và điều kiện kết hôn: Ông và bà Nguyễn Hồng L đăng ký kết hôn ngày 17 tháng 3 năm 2011 tại Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng. Hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Hai ông bà chung sống với nhau từ ngày 17 tháng 3 năm 2011, khi đó ông ở Cộng hòa liên bang Đ còn bà L vẫn sinh sống tại thành phố C, tỉnh Cao Bằng. Ông bà kết hôn nhưng không chung sống cùng nhau, bà L vẫn sống và làm việc tại thành phố C, tỉnh Cao Bằng còn ông sống và làm việc tại Cộng hòa liên bang Đ. Quá trình chung sống hạnh phúc đến ngày 15 tháng 01 năm 2018, mâu thuẫn phát sinh từ ngày 25 tháng 12 năm 2018, nguyên nhân mâu thuẫn là do cả hai không cùng quan điểm và mục đích sống. Về quan điểm sống và tính cách của hai người đều rất khác nhau, bà L là người hướng nội, ông sống hướng ngoại, hai vợ chồng không thể dung hòa trong cuộc sống. Trong thời gian chung sống có rất nhiều mâu thuẫn và bất đồng, ông Q xác định tình cảm vợ chồng không còn yêu nhau và sống vì nhau nữa. Quá trình mâu thuẫn hai ông bà chưa được chính quyền địa phương hay tổ dân phố tiến hành hòa giải; đã được gia đình hai bên góp ý nhưng sự khác biệt giữa hai người vẫn không thể thay đổi.

Về tình cảm vợ chồng hiện tại: Hai vợ chồng đã có mâu thuẫn từ lâu không thể hàn gắn được nữa, về vị trí địa lý vợ chồng sống xa nhau, không cùng chí hướng và quan điểm sống. Do đó ông xác định mâu thuẫn đã tới mức độ trầm trọng đề nghị Tòa án cho ly hôn.

Về con chung: Trong quá trình chung sống ông và bà Nguyễn Hồng L không có con chung.

- Về tài sản chung và các khoản nợ chung: Không có tài sản chung và không có nợ chung; không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 19 tháng 6 năm 2023 Bị đơn Nguyễn Hồng L trình bày: Bà và ông Nguyễn Anh Q kết hôn ngày 15 tháng 03 năm 2011, hôn nhân tự nguyện, được tìm hiểu, có tổ chức lễ cưới, có đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng. Sau khi cưới bà vẫn sinh sống và làm việc tại tỉnh Cao Bằng còn ông Q làm việc và sinh sống tại Cộng hòa liên bang Đ.

Về quá trình chung sống vợ chồng: Sau khi cưới, từ năm 2011 đến cuối năm 2018 chung sống hòa thuận, hạnh phúc, từ cuối năm 2018 bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống và do khoảng cách địa lý nên vợ chồng không thể hòa giải được. Quá trình mâu thuẫn thường xuyên xảy ra các cuộc cãi cọ, không xảy ra bạo lực gia đình, mâu thuẫn vợ chồng thường xuyên xảy ra và kéo dài từ năm 2019 đến nay. Từ khi kết hôn đến nay bà vẫn sinh sống ở Việt Nam còn ông Q sinh sống tại Cộng hòa liên bang Đ. Mâu thuẫn chưa được anh em họ hàng hay các cơ quan đoàn thể hòa giải. Mâu

thuần của vợ chồng hiện nay đã trầm trọng và xét thấy không có khả năng khắc phục được cũng như không thể tiếp tục chung sống, bà **L** nhất trí ly hôn với ông **Nguyễn Anh Q.**

Về con chung: bà **L** và ông **Nguyễn Anh Q** không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không có, không yêu cầu tòa giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Cao Bằng phát biểu quan điểm về việc giải quyết vụ án: Qua nghiên cứu toàn bộ hồ sơ vụ án, qua giám sát việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán và Hội đồng xét xử thấy rằng từ khi nhận đơn khởi kiện, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử đã chấp hành đúng theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Các đương sự cũng đã thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng: Điều 51, 56, 57; Điều 123 - Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Điều 37, khoản 4 điều 147, 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết một số loại tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình;

Việc Tòa án xét xử vắng mặt ông **Q** bà **L** là đúng quy định của pháp luật. Đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của ông **Nguyễn Anh Q**, xử cho ông **Q** được ly hôn bà **Nguyễn Hồng L**. Về con chung: Không có con chung; về tài sản chung, nợ chung, không đặt ra vấn đề xem xét giải quyết do các bên đương sự không yêu cầu.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, quan điểm của Kiểm sát viên về việc giải quyết vụ án, Hội đồng xét xử nhận định:

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Ông **Nguyễn Anh Q** là công dân Việt Nam có hộ chiếu số: N2358260 hiện đang sinh sống và làm việc tại địa chỉ **K - 54294 T - G** - Cộng hòa liên bang **D**, có đơn khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng, giải quyết việc ly hôn giữa ông **Nguyễn Anh Q** với bà **Nguyễn Hồng L** hiện nay đang sinh sống tại: **Tổ I, phường H, thành phố C, tỉnh Cao Bằng**. Ngày 19 tháng 5 năm 2023 Tòa án nhân dân thành phố Cao Bằng chuyển đơn khởi kiện của ông **Nguyễn Anh Q** đến Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng để giải quyết theo thẩm quyền. Theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm

quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp tỉnh. Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng đã thụ lý, giải quyết vụ án theo đúng quy định của pháp luật.

Ông **Nguyễn Anh Q** đã gửi đến Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng bản tự khai, đơn đề nghị không hòa giải, đối thoại tại Tòa án; đơn xin giải quyết vắng mặt tại Tòa án. Tất cả các văn bản trên đều có chứng thực của lãnh sự quán **Việt Nam tại Cộng hòa liên bang Đ** nên có giá trị pháp lý.

Bà **Nguyễn Hồng L** đã được tổng đạt thông báo thụ lý vụ án ngày 31/5/2023 và đã đến Tòa án nhân dân Tỉnh Cao Bằng làm bản tự khai ngày 19 tháng 6 năm 2023, đồng thời ngày 19/6/2023 bà **Nguyễn Hồng L** cũng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Căn cứ Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn **Nguyễn Anh Q** và bị đơn **Nguyễn Hồng L** theo quy định của pháp luật.

[2] Về nội dung vụ án:

Về quan hệ hôn nhân: Ông **Nguyễn Anh Q** kết hôn với bà **Nguyễn Hồng L** vào ngày 15/03/2011 do hai bên tự nguyện tìm hiểu, tổ chức lễ cưới, có kê khai đăng ký kết hôn tại Sở Tư pháp tỉnh Cao Bằng. Do đó, hôn nhân của ông **Q** và bà **L** là hợp pháp.

Sau khi cưới vợ chồng chung sống hoà thuận hạnh phúc từ năm 2011 đến cuối năm 2018 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân xảy ra mâu thuẫn cả ông **Q** và bà **L** đều cho rằng do bất đồng quan điểm và mục đích sống, thêm vào đó là khoảng cách địa lý quá xa xôi ông **Q** sinh sống ở Cộng hòa liên bang Đức, bà **L** sinh sống tại Việt Nam, mâu thuẫn vợ chồng không thể hòa giải được. Ông **Q** và bà **L** đều xác định hiện nay tình cảm vợ chồng không còn, không quan tâm đến nhau nữa. Việc ông **Q** xin ly hôn bà **L** cũng hoàn toàn nhất trí.

Hội đồng xét xử xét thấy: Vợ chồng ông **Q** và bà **L** sau khi cưới có một thời gian hòa thuận, hạnh phúc nhưng từ cuối năm 2018 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Hiện nay hai bên không còn quan tâm đến nhau nữa, tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, cuộc hôn nhân chỉ tồn tại về mặt hình thức. Nay ông **Q** yêu cầu xin ly hôn bà **L** là phù hợp với quy định của Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên cần chấp nhận đơn yêu cầu khởi kiện của ông **Q**.

Trong quá trình giải quyết vụ án, ông **Nguyễn Anh Q** đang sinh sống tại Đức nên không thể đến Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng để tham gia tố tụng được, tuy nhiên ông **Q** đã có bản tự khai, đơn đề nghị không hòa giải, đối thoại, đơn xin

giải quyết vụ án vắng mặt có chứng thực của lãnh sự quán Việt Nam tại Đức gửi tới Tòa án nhân dân tỉnh Cao Bằng. Đồng thời bà **L** cũng có đơn đề nghị xét xử vắng mặt vì lý do sức khỏe không thể đến tham gia tố tụng tại Tòa án được, do vậy HĐXX quyết định xét xử vụ án ly hôn giữa ông **Q** và bà **L** theo quy định của pháp luật.

Về con chung: Ông **Q** và bà **L** không có con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Ông **Q** và bà **L** đều xác nhận không có tài sản chung, không có nợ chung và không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

[3] Về án phí: Ông **Nguyễn Anh Q** là nguyên đơn nên phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng) sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định của pháp luật.

[4] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tại phiên tòa là đúng pháp luật, phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; Khoản 1 Điều 37; Khoản 1 Điều 39; khoản 4 Điều 147; Điều 228; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Điều 51,56, 57; Điều 123 - Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

Nghị quyết số 01/2003/NQ-HĐTP ngày 16/4/2003 của Hội đồng thẩm phán tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn áp dụng pháp luật trong việc giải quyết một số loại tranh chấp dân sự, hôn nhân và gia đình;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận đơn yêu cầu xin ly hôn của ông **Nguyễn Anh Q**.

1. Về quan hệ hôn nhân: Ông **Nguyễn Anh Q** được ly hôn bà **Nguyễn Thị L1**.

2. Về con chung: Hai bên đương sự xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Hai bên đương sự xác nhận không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Ông Nguyễn Anh Q phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm ông Q đã nộp là 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí tòa án số 0000081 ngày 24 tháng 5 năm 2023 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Cao Bằng. Ông Q đã nộp đủ án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Án xử công khai sơ thẩm vắng mặt ông Q và bà L1, ông Q và bà L1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tổng đạt bản án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh;
- Cục THADS tỉnh;
- UBND phường Hợp Giang;
- Các đương sự;
- Lưu hs;
- Lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lương Thị Hợp